

Số 17/KHCM:TrPTDTBTTHCT

Điện Biên Đông, ngày 04 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2025-2026

I. Đặc điểm của năm học

Năm học 2025 - 2026, toàn ngành Giáo dục tiếp tục thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ với chủ đề năm học là: ***“Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng”*** với 12 nhiệm vụ trọng tâm.

Triển khai Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW. Tham mưu và trình Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị. Trên cơ sở đó, ban hành Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục nhằm triển khai Chương trình hành động của Chính phủ một cách bài bản, khoa học, phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả; đề xuất, xây dựng các Đề án, Chương trình đầu tư để bảo đảm nguồn lực thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển GDĐT. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trong đó lưu ý các vấn đề thực tiễn phát sinh cần điều chỉnh để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tạo cơ chế, chính sách thuận lợi cho phát triển giáo dục và đào tạo. Ưu tiên nguồn lực hoàn thành xây dựng Luật Nhà giáo. Đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp tự chủ, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục.

Đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, trong đó, quan tâm đến đối tượng là của người dân tộc thiểu số, người sống ở miền núi,

vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển hải đảo, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Củng cố, duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS, xóa mù chữ và từng bước phấn đấu đạt chuẩn mức độ cao hơn để nâng cao chất lượng giáo dục. Xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi vào năm 2030. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Phát triển các phương thức giáo dục hòa nhập, chuyên biệt và bán chuyên biệt để đáp ứng quyền được học tập của người học là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người khuyết tật.

Bảo đảm công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục mầm non; bảo đảm an toàn cho trẻ mầm non trong các cơ sở giáo dục mầm non, nhất là tại các cơ sở mầm non ngoài công lập, các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục. Chuẩn bị các điều kiện để triển khai thí điểm Chương trình Giáo dục mầm non mới. Triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông đối với các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5, lớp 6 - 9, lớp 10- 12 và Chương trình xóa mù chữ, chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS và cấp THPT. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 bảo đảm an toàn, nghiêm túc, khách quan.

Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục bảo đảm đủ số lượng và nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Tuyển dụng, quản lý, sử dụng hiệu quả chỉ tiêu biên chế giáo viên được giao tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị. Tiếp tục triển khai lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS. Thực hiện đào tạo giáo viên gắn với nhu

cầu để bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; nghiên cứu xây dựng các Đề án nhằm phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông giai đoạn 2026 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục. Tiếp tục kiên cố hóa trường lớp học, xóa phòng học tạm; phát triển trường lớp học ở các khu vực có dân số tăng nhanh, khu vực đông dân cư; bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông; quản lý, sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học.

Tăng cường công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, nhân viên, học sinh, sinh viên, học viên. Chú trọng xây dựng văn hóa học đường. Tăng cường phòng, chống bạo lực học đường. Phát huy vai trò của giáo dục quốc phòng, an ninh trong giáo dục ý thức, trách nhiệm công dân, giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào, tự tôn dân tộc. Triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế trường học, bảo đảm an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh và tai nạn thương tích. Tăng cường tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh; kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường.

Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Tổ chức triển khai có hiệu quả các đề án, dự án liên quan tới phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tới phát triển các cơ sở giáo dục đại học, nhất là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin và truyền thông, trí tuệ nhân tạo, vi mạch bán dẫn. Tăng cường các hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học và công bố trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế và

trong nước, đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, nâng cao chất lượng đào tạo gắn với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển khoa học giáo dục. Đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục trong nước về cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo.

Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục. Thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nước ngoài cho giáo dục và đào tạo. Có chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài hợp tác nghiên cứu, đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam. Tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục, đào tạo (PISA, PASEC...).

Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện các cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối liên thông dữ liệu trong ngành giáo dục và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, giải pháp trí tuệ nhân tạo phù hợp trong giáo dục và đào tạo.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm trong giáo dục và đào tạo.

Tăng cường công tác truyền thông giáo dục. Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả các vấn đề về truyền thông, nhất là các vấn đề xã hội quan tâm, bức xúc để xã hội, nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đóng góp nhiều hơn cho ngành. Đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chủ động phát hiện, biểu dương và nhân

rộng các tấm gương người tốt, việc tốt trong toàn ngành. Tổ chức Đại hội thi đua yêu nước ngành Giáo dục và các hoạt động kỷ niệm 81 năm truyền thống ngành Giáo dục trên tinh thần trang trọng, tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả, phù hợp. Cùng cố kiện toàn bộ máy, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của tổ khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác khảo thí và quản lý chất lượng. Chú trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Tập trung dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học nhằm đảm bảo chất lượng của học sinh. Dạy học theo chương trình giáo dục mới tăng cường các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Mạnh dạn áp dụng phương pháp dạy học bàn tay nặn bột vào các môn TNXH- Khoa học, kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Áp dụng hình thức dạy học Stem. Thực hiện xây dựng giáo dục nhà trường cấp tiểu học theo công văn số 2345/BGDĐT- GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021. Thực hiện Chương trình Tiếng Anh đối với lớp 3,4,5 thực hiện dạy tiếng anh bắt buộc 4 tiết / tuần theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.(Tổ chức dạy học trực tuyến). Cùng cố duy trì thành tựu phổ cập GD chống mù chữ. Nâng cao chất lượng dạy của giáo viên, chất lượng học của học sinh để giữ vững danh hiệu trường tiểu học đạt Chuẩn Quốc Gia mức độ I. Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học và luyện kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cho học sinh. Thực hiện dạy lồng ghép giáo dục Quốc phòng an Ninh, lồng ghép biến đổi khí hậu cho học sinh vào các môn học. Triển khai thực hiện Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Đánh giá học sinh Tiểu học.

2. Thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi

Công tác giáo dục của nhà trường luôn có sự quan tâm của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể địa phương, đặc biệt luôn có được sự

chỉ đạo của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên cũng như các cấp đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy. Đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Trường PTDTBTTH Chua Ta là một trường có đội ngũ giáo viên trẻ, năng động nhiệt tình trong công tác. 100% số giáo viên có trình độ chuẩn trở lên cụ thể: ĐH: 22 = 95,6%; CĐ: 01 = 4,4%.

Nhà trường có khối đoàn kết nhất trí cao. Trường được sự quan tâm, đầu tư của các nhà hảo tâm, học sinh được hưởng chế độ dành cho học sinh bán trú.

Trình độ dân trí đang dần nâng lên, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

b) Khó khăn

- Năm học 2025-2026 là năm đầu tiên thực hiện chính quyền 2 cấp, nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại. Tuy nhiên điều kiện kinh tế, xã hội, trình độ một bộ phận nhân dân dân trí còn thấp, đời sống nhân dân khó khăn, mức thu nhập thấp; nhận thức của một bộ phận nhỏ nhân dân về công tác giáo dục còn hạn chế, việc quan tâm, đầu tư cho việc học tập của con em điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Địa bàn dân cư rộng, đời sống của nhân dân đa số còn khó khăn, mặt bằng dân trí không đồng đều, tỷ lệ học sinh con hộ nghèo chiếm 49%. Toàn trường có 7 học sinh khuyết tật học hòa nhập (Có 7 học sinh khuyết tật được hưởng chế độ theo TT42/213).

Một số gia đình phụ huynh học sinh chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình, nhiều học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do bố mẹ vi phạm

pháp luật đi tù, con cái không có nơi nương tựa; một số ít sống với ông bà và họ hàng nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc không được thường xuyên, số học sinh sống ở bán trú đông các em còn nhỏ việc ăn uống ngủ nghỉ còn gặp nhiều khó khăn.

Trường có 100.%; người dân nông sống vẫn theo tập quán du canh du cư. Nhiều gia đình không quan tâm tới việc học tập của con em mình. Do đó học sinh hay nghỉ học nhất là mùa làm nương rẫy đó là khó khăn lớn nhất ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng của học sinh. Điểm bản Tào Xa, Háng Sông dưới các em hay trốn học vào các buổi cuối tuần, đã làm ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch học 2 buổi/ngày của trường.

Cơ sở vật chất của nhà trường vẫn còn thiếu về số lượng các phòng chức năng.

- Trường đang thiếu 2 giáo viên, văn hoá, và 1 số vị trí như Văn thư, thủ quỹ, nhân viên Y Tế...

c) Những tồn tại của năm học trước ở các nội dung sau:

* Việc duy trì số lượng học sinh.

- Tỷ lệ học sinh chuyên cần vào các buổi chiều còn chưa cao, hiện tượng học sinh nghỉ học không lý do vẫn còn xảy ra ở một số lớp. (4A1)

* Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ giáo viên;

- Năng lực chuyên môn của một số giáo viên còn hạn chế, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy chưa thường xuyên.

- Việc sử dụng đồ dùng dạy học vào các tiết học chưa thực sự hiệu quả. Số lượng đồ dùng dạy học tự làm còn ít.

* Chất lượng học sinh.

- Chất lượng học sinh của khối 3 còn chưa cao. Kỹ năng viết văn của học sinh còn hạn chế, các em chưa có kỹ năng sử dụng từ và viết câu thiếu logic 3A1, 3A2, 4A3 , 4a1.

d) Xếp loại thi đua năm học 2024- 2025

- Trường: Tập thể lao động tiên tiến.
- Công đoàn đạt danh hiệu CĐCS vững mạnh.
- Đoàn Thanh niên đạt Đơn vị HTTNV.
- Các danh hiệu cá nhân cụ thể như:

Tổ	Tổng số	Danh hiệu cá nhân			
		CSTD	LĐTT	HTNV	Không HTNV
1	4	1	3	0	0
2	4	1	3	0	0
3	4	1	3	0	0
4	4	1	3	0	0
5	4	1	3	0	0
Tổ HC	3	1	2	0	0
Cộng	23	5	18	0	0

e) Về cơ sở vật chất: Số phòng học, bàn ghế GV và HS đúng quy cách,

- Diện tích khuôn viên trường: 15000 m². Trong đó:
- Tổng số phòng học văn hóa: 14 phòng. Trong đó: Phòng học kiên cố: 03 .bán kiên cố:11 phòng Hiện tại nhà trường còn thiếu 2 phòng học văn hoá. 01 phòng học âm nhạc, 1 phòng GDTC, 01 phòng học ngoại ngữ.
- Tổng số phòng chức năng: 6 phòng
- Số bộ bàn ghế giáo viên đúng quy cách: 14 bộ. Số bàn 184 ghế học sinh đúng quy cách: 368 chiếc.
- Số bộ đồ dùng dạy học đồng bộ/số lớp: 6 bộ/14 lớp đạt 37,5 %.
- Phòng công vụ giáo viên: 6 phòng, trong đó có 3 phòng kiên cố; 03 phòng bán kiên cố đủ đáp ứng cho nhu cầu.
- Phòng ở nội trú: 4 phòng. Trong đó bán kiên cố: 4.

g) Các tiêu chí về trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường: Đạt

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

- Số lượng, trình độ đào tạo của giáo viên: Đạt

- Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc đảm bảo các quyền của giáo viên: Đạt: Tỷ lệ giáo viên được đánh giá về trình độ chuyên môn giỏi đạt 78%.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học: Đạt

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội: Đạt

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục: Đạt

h) Công tác xã hội hoá giáo dục, khuyến học của địa phương.

*Ưu điểm:

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã Xa Dung.

- Nhận thức của nhân dân trong vùng đã có sự chuyển biến rõ nét về công tác giáo dục.

*Tồn tại:

- Vẫn còn một số bậc phụ huynh học sinh còn ỷ nại trông chờ vào đầu tư của nhà nước và phó mặc cho các thầy cô giáo trong nhà trường.

- Công tác khuyến học nhân dân chưa tự giác tham gia.

II. Căn cứ xây dựng kế hoạch:

1. Văn bản chỉ đạo của các cấp.

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Thông tư 32/2018 ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Thông tư số 28/2020TT-BGDĐT, ngày 4/9/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về ban hành điều lệ trường tiểu học;

Thông tư số 32/2020TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ công văn số 4555/BGDĐT-GDPT Ngày 5 tháng 8 năm Và GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDPT năm học 2025-2026.

Căn cứ QĐ số 1812 QĐ của UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ hướng dẫn số 2616 ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc hướng dẫn thực nhiệm vụ GDTH năm học 2025-2026 của SGDĐT tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào kế hoạch Giáo dục của trường PTDTBT-TH Chua Ta ngày 25.tháng 8 năm 2025.

2. Kế hoạch của UBND xã giao năm học 2025-2026:

Tổng số lớp 14 lớp = 370 học sinh. Trong đó:

Khối 1: 2 lớp = 55 học sinh

Khối 4: 3 lớp = 81 học sinh

Khối 2: 3 lớp = 73 học sinh

Khối 5: 3 lớp = 88 học sinh

Khối 3: 3 lớp = 73 học sinh

III. MỤC TIÊU:

1.Mục tiêu duy trì học sinh của nhà trường.

- Số HS 6 tuổi vào lớp 1: 55/55 đạt 100 %
- Số HS 7 tuổi vào lớp 2: 73/73 đạt 100% .
- Số HS 8 tuổi vào lớp 3: 73/73 đạt 100%
- Số HS 9 tuổi vào lớp 4: 81/81 đạt 100
- Số HS 10 tuổi vào lớp 5 : 88/88 đạt 100%.

b. Số lớp, học sinh toàn trường

Năm học 2025-2026 toàn trường có tổng số 14 lớp với số 370 học sinh, được phân bổ như sau:

Khối	Số lớp p	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	HS diện chính sách (<i>ND/81/2021</i> ; <i>TT/42/2013</i>)				HS khuyết tật	Học sinh bán trú
						Tổ ng	M ồ côi	Hộ nghè o	Khuyế t tật		
1	2	55	29	55	29				0	0	36
2	3	73	35	73	35				0	0	39
3	3	73	41	73	41						43
4	3	81	33	81	33				3	3	47
5	3	88	42	88	42				3	3	50
Tổng	14	370	117	370	117				6	6	228

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.

- Số trẻ 6 tuổi huy động vào học lớp 1 đạt 55/55 đạt 100%.

- Số trẻ 11 tuổi được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học 88/88 đạt 100%.

2. Đội ngũ giáo viên:

a. Chất lượng đội ngũ.

* Xếp loại chuyên môn:

Xếp loại	Tổng số	Tỷ lệ %
Xuất sắc	5/20	25%
Khá	15/20	75%
Trung bình	0	0
Kém	0	0

b. Chất lượng chuyên môn

* Tổng số giáo viên toàn trường 20 đ/c.

+ Cấp trường: $6/20 = 30\%$

+ Cấp xã: $6/20 = 30\%$

+ Cấp tỉnh: $1/20 = 5\%$

+ Giáo viên dạy khá 7 đ/c tỷ lệ 35 %

+ Không có giáo viên đạt TB và kém.

* Sáng kiến kinh nghiệm: 10/20 đ/c đạt 50 %.

+ Cấp trường: 5 đ/c = 25%

+ Cấp Xã: 25%

+ Cấp tỉnh: 0 đ/c

* Đồ dùng dạy học

- Tăng cường làm đồ dùng dạy học cho tất cả các khối lớp.

- Có ít nhất 10 đồ dùng / 1 năm

c. Công tác bồi dưỡng giáo viên

- Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên nghiêm túc đúng quy định. Đảm bảo 100% số giáo viên trong trường tham gia.

- Số chuyên đề thực hiện trong năm học 2 chuyên đề cụ thể:

STT	Môn học	Lớp	Tên bài	Người thực hiện	Thời gian thực hiện
1		1			
2		3			

2. Chuyên môn dạy và học:

a) Chất lượng dạy, hồ sơ của giáo viên, giáo viên giỏi các cấp.

- Xếp loại về chuyên môn nghiệp vụ:

Xếp loại chuyên môn			Xếp loại theo chuẩn NN GVTH		
Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ		Số lượng	Tỷ lệ
Giỏi	12/23	52%	Xuất sắc	5/23	21%
Khá	8/23	48%	Khá	18/23	79 %
Đạt YC	0	0	TB	0	0
Chưa đạt YC	0	0	Kém	0	0

Số giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi, cấp tỉnh: 1 đ/c, đạt 5%

Số giáo viên có skkn: 10 đ/c, đạt 50%

- Xếp loại hồ sơ:

+ BGH loại tốt: 2/2 = 100%

+ Tổ trưởng loại tốt 5/5 = 100%

+ Giáo viên loại tốt 16/20 bộ = 80%

Số đồ dùng dạy học làm thêm: 10 đồ dùng

Huy động số học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 55/ 55 em , đạt 100%

- PCGDTH- ĐĐT: Số học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học:
9595 đạt 100% .

2. Chất lượng giáo dục

2.2.1) Chỉ tiêu về phẩm chất năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học:

a) Chỉ tiêu về phẩm chất

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3						Khối 4						Khối 5						
Tổng số HS	55						73						73						81						87						
HS Khuyết tật	0						0						0						3						3						
HS được đánh giá	55						73						73						81						87						
Phẩm chất	Mức đạt được																														
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L	%	S L
1. Yêu nước	8	14,9	46	85,1	0	0	12	16,6	60	83,4	0	0	12	16,2	62	83,8	0	0	12	15,5	65	84,5	0	0	12	16,6	72	83,4	0	0	
2. Nhân ái	8	14,9	46	85,1	0	0	12	16,6	60	83,4	0	0	12	16,2	62	85	0	0	12	15,5	65	84,5	0	0	12	16,6	72	83,4	0	0	
3. Chăm chỉ	8	14,9	46	85,1	0	0	12	16,6	60	83,4	0	0	12	16,2	62	85	0	0	12	15,5	65	84,5	0	0	12	16,6	72	83,4	0	0	
4. Trung thực	8	14,9	46	85,1	0	0	12	16,6	60	83,4	0	0	12	16,2	62	85	0	0	12	15,5	65	84,5	0	0	12	16,6	72	83,4	0	0	

5. Trách nhiệm	8	14,9	46	85,1	0	0	12	16,6	60	83,4	0	0	12	16,2	62	85	0	0	12	15,5	65	84,5	0	0	12	16,6	72	83,4	0	0
----------------	---	------	----	------	---	---	----	------	----	------	---	---	----	------	----	----	---	---	----	------	----	------	---	---	----	------	----	------	---	---

Tổng chung về phẩm chất.

Khối lớp	Tổng Chung					
Tổng số HS	370					
HS Khuyết tật	6					
HS được đánh giá	370					
Phẩm chất	Mức đạt được					
	Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	65	17,5	305	82,5	0	0
2. Nhân ái	65	17,5	305	82,5	0	0
3. Chăm chỉ	65	17,5	305	82,5	0	0
4. Trung thực	65	17,5	305	82,5	0	0
5. Trách nhiệm	65	17,5	305	82,5	0	0

b) Những năng lực cốt lõi:

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5

Tổng số HS	55						73						73						81						88					
HS Khuyết tật	0						0						0						3						3					
HS được đánh giá	55						73						73						81						88					
Năng lực	Mức đạt được																													
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
- Năng lực chung																														
1. Tự chủ và tự học	8	14,5	47	85,5	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	14,8	66	81,2	0	0	12	13,6	76	86,4	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	8	14,5	47	85,5	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	14,8	66	81,2	0	0	12	13,6	76	86,4	0	0
3. GQVĐ và sáng tạo	8	14,5	47	85,5	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	14,8	66	81,2	0	0	12	13,6	76	86,4	0	0
- Năng lực đặc thù	8	14,5	47	85,5	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	14,8	66	81,2	0	0	12	13,6	76	86,4	0	0
1. Ngôn ngữ	8	14,5	47	85,5	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	14,8	66	81,2	0	0	12	13,6	76	86,4	0	0
2. Tính	8	14	47	85	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	16	61	83	0	0	12	14	66	81	0	0	12	13	76	86	0	0

toán		,5		,5										,4		,6				,8		,2				,6		,4		
3. Khoa học	8	14,5	47	85,5	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	14,8	66	81,2	0	0	12	13,6	76	86,4	0	0
4. Thẩm mỹ	8	14,5	47	85,5	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	14,8	66	81,2	0	0	12	13,6	76	86,4	0	0
5. Thể chất	8	14,5	47	85,5	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	16,4	61	83,6	0	0	12	14,8	66	81,2	0	0	12	13,6	76	86,4	0	0
6. Công nghệ													12	16,4	61	83,6	0	0	12	14,8	66	81,2	0	0	12	13,6	76	86,4	0	0
7. Tin học													12	16,2	62	85	0	0	12	15,5	65	84,5		0	12	16,6	72	83,4	0	0

2.1.2) Số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng		
Tổng số học sinh		55		73		73		81		88		370		
HS Khuyết tật		0		0				3		3		7		
HS được đánh giá		55		73		73		81		88		370		
Môn học		MĐĐ	TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL %	TS	TL %
1.Tiếng Việt	HTT	4	7,4	6	8,4	6	8,2	6	7,7	6	7,7	24	6,6	
	HT	51	92,6	67	91,6	67	91,8	75	92,3	82	92,3	333	93,4	
	CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2. Toán	HTT	4	7,4	6	8,4	6	8,2	6	7,7	6	7,7	24	6,6	
	HT	51	92,6	67	91,6	67	91,8	75	92,3	82	92,3	333	93,4	
	CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.Ngoại ngữ	HTT					6	8,2	6	7,7	6	7,7	24	6,6	
	HT					6	91,8	75	92,3	82	92,3	333	93,4	
	CHT					6	0	0	0	0	0	0	0	
4. Đạo đức	HTT	4	7,4	6	8,4		6	8,2	6	7,7	6	7,7	24	6,6
	HT	51	92,6	67	91,6	67	91,8	75	92,3	82	92,3	333	93,4	
	CHT			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	5. TNXH	HTT	4	7,4	6	8,4	6	8,2						
HT		51	92,6	67	91,6	67	91,8							
CHT		0		0	0	0	0							
Lịch Sử & Địa Lí	HTT							6	7,7	6	7,7	24	6,6	
	HT							75	92,3	82	92,3	333	93,4	
	CHT							0	0	0	0	0	0	
Khoa học	HTT							6	7,7	6	7,7	24	6,6	
	HT							75	92,3	82	92,3	333	93,4	
	CHT							0	0	0	0	0	0	
Nghệ thuật	6. Âm nhạc	HTT	4	7,4	6	8,4	6	8,2	6	7,7	6	7,7	24	6,6
		HT	51	92,6	67	91,6	67	91,8	75	92,3	82	92,3	333	93,4
		CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	7. Mĩ Thuật	HTT	4	7,4	6	8,4	6	8,2	6	7,7	6	7,7	24	6,6
		HT	51	92,6	67	91,6	67	91,8	75	92,3	82	92,3	333	93,4
		CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8. GDTC	HTT	4	7,4	6	8,4	6	8,2	6	7,7	6	7,7	24	6,6	
	HT	51	92,6	67	91,6	67	91,8	75	92,3	82	92,3	333	93,4	
	CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9. HĐTN	HTT	4	7,4	6	8,4	6	8,2	6	7,7	6	7,7	24	6,6	
	HT	51	92,6	67	91,6	67	91,8	75	92,3	82	92,3	333	93,4	

	CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Tin học và công nghệ	HTT				6	6	8,2	6	7,7	6	7,7	24	6,6
	HT					6,8	91,8	75	92,3	82	92,3	92,3	93
	CHT						0	0	0	0	0	0	0

- Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	TSHS Được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	55	4	7,2	4	7,2	47	85,4	0	0	
2	73	6	8,2	6	8,2	61	83,5	0	0	
3	73	6	8,2	6	8,2	61	83,5	0	0	
4	81	6	7,4	6	7,4	69	82,2	0	0	3kt
5	88	6	6,8	6	6,8	76	86,4	0	0	3kt
Tổng	370	28	7,57	28	7,57	308	84,9	0	0	6kt

Chuyên lớp: 370/370 HS, đạt 100 %

* Hoàn thành chương trình tiểu học: 88/88 HS, đạt 100 %.

- Phong trào vở sạch chữ đẹp:

* Số lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp: 14/14lớp đạt 100 %.

* Tỷ lệ học sinh viết chữ đẹp (số lượng - tỷ lệ %, từng tổ-khối).

Khối	HS viết chữ đẹp		HS năng khiếu Á.N		HS năng khiếu MT	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	10	18	10	18	10	18
2	15	20,5	15	20,5	15	20,5
3	15	20,5	15	20,5	15	20,5
4	15	18,5	15	18,5	15	18,5
5	15	17,0	15	17,0	15	17,0
Tổng	70	18,9	70	18,9	70	18,9

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

- Hoàn thành chương trình lớp học: 370/368, tỷ lệ 100% (gồm 06 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 88/88, tỷ lệ 100%.

* Hoạt động Đội thiếu niên, Sao nhi đồng.

- *Chỉ tiêu về thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường, trang trí lớp theo quy định.*

- 100 % học sinh các lớp tham gia các phong trào hoạt động tập thể .

Mỗi lớp có 1 đội văn nghệ, thành lập đội văn nghệ của nhà trường thường xuyên tập luyện với nội dung phong phú, đa dạng. Múa hát tập thể vào các ngày thứ 3; 5; 6 hàng tuần. Tổ chức hoạt động NGLL 4 tiết/ 1 tháng. Học sinh được tham gia các trò chơi dân gian, biểu diễn văn nghệ, thi tìm hiểu các kiến thức về lịch sử, văn hóa, tự nhiên theo chủ đề, chủ điểm của tháng....

- 100 % học sinh ăn mặc sạch sẽ, gọn gàng khi đến lớp, có ý thức giữ gìn vệ sinh chung. Đội viên đeo khăn quàng đỏ vào tất cả các ngày học trong tuần.

- 100 % các lớp được trang trí theo qui định (Trích thư Bác, ảnh Bác, bảng hoa điểm tốt, Báo tường, thời khóa biểu, mẫu chữ viết trong trường tiểu học, góc sáng tạo của học sinh, thời khóa biểu...). Trong lớp có chậu rửa tay, khăn lau tay, giá để chậu, sọt đựng rác, chổi quét lớp, chậu hoa...

- Các lớp thực hiện tốt các hoạt động của đội. Đoàn đội có kế hoạch hoạt động rõ ràng, cụ thể, có biểu điểm, đánh giá xếp loại chính xác, khách quan.

- Giáo dục học sinh có ý thức và biết cách phòng chống tai nạn, thương tích do hỏa hoạn, thiên tai. Giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp.

* Hoạt động Đội thiếu niên, Sao nhi đồng.

- *Danh hiệu phấn đấu đạt trong năm:*

+ Liên Đội mạnh đề nghị Hội đồng Đội tặng giấy khen.

+ Danh hiệu: Chi đội mạnh; Cháu ngoan Bác Hồ; Nhi đồng chăm ngoan.

- *Chủ đề năm học:* *Thiếu nhi Việt Nam*

Chăm ngoan, học tốt

Tiếp bước cha anh

* Hoạt động Đội thiếu niên, sao nhi đồng:

- Số HS đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ: 100/368 đạt 27 %.

+ Khối 1: 15/55 em đạt 27,3

+ Khối 2: 25/73 em đạt 34,2 %

+ Khối 3: 27/73 em đạt 34,2%

+ Khối 4: 30/81 em đạt 37%

+ Khối 5: 30/88 em đạt 33,7%

- Chỉ tiêu kết nạp Đội viên, các danh hiệu thi đua của Đội viên: 73/73 đạt 100%.

- *Danh hiệu phấn đấu đạt trong năm:*

+ Liên Đội mạnh đề nghị Hội đồng Đội tặng giấy khen.

+ Danh hiệu: Chi đội mạnh; Sao cháu ngoan Bác Hồ; Cháu ngoan Bác Hồ; Nhi đồng chăm ngoan.

3. Chỉ tiêu lao động hướng nghiệp.

- 100% các điểm trường đảm bảo trường xanh- sạch- đẹp.
- 100% các điểm trường có hàng rào, cổng trường, biển điểm trường, hố rác, nhà vệ sinh, có đủ lớp, chỗ ngồi đảm bảo cho việc dạy - học.
- 100% HS được làm quen với lao động tự phục vụ.
- 100% các điểm trường sử dụng lớp học đúng mục đích, nếu có hư hỏng thì GV- HS- nhân dân trong bản cùng có trách nhiệm tu sửa, bảo quản.
- 100% học sinh có ý thức tham gia giữ gìn bảo vệ cơ sở vật chất của trường.

4. Công tác xã hội hoá giáo dục, công tác khuyến học.

- Vận động phụ huynh học sinh hỗ trợ kinh phí cho hoạt động dạy và học, tu sửa cơ sở vật chất, điện thoại, điện sáng, Internet, nước sinh hoạt và nước uống, công tác thi đua, khen thưởng, xây dựng trường xanh, sạch, đẹp.
- Tham mưu với ngành, xã đầu tư, hỗ trợ.

b) Công tác khuyến học;

Thành lập các chi hội khuyến học:

- + 14 chi hội phụ huynh = 370 hội viên.
- + 1 chi hội GV = 23 hội viên.
- + Số gia đình hiếu học, thôn bản hiếu học: có ít nhất 30 gia đình được công nhận là gia đình hiếu học; 10/10 thôn bản được công nhận là thôn bản hiếu học.
- Quỹ hoạt động được xây dựng trên cơ sở các hội viên tự nguyện đóng góp và vận động các đoàn thể giúp đỡ.
- Thực hiện chi tiêu đúng mục đích và có hiệu quả.
- 100% gia đình giáo viên đạt gia đình hiếu học.

5. Đăng ký thi đua:

- Danh hiệu thi đua của nhà trường: Tập thể lao động tiên tiến đề nghị cấp tỉnh đề nghị UBND Tỉnh tặng bằng khen.
- Tổ: Có ít nhất 3 tổ đạt danh hiệu Tổ lao động tiên tiến xuất sắc.
- Cá nhân:
- + Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: $5/23 = 21,7\%$

+ Lao động tiên tiến: 23/23đ/c đạt 100 %.

- Danh hiệu thi đua của các giáo viên trong trường:

TT	Họ tên GV đăng ký	Danh hiệu cá nhân		
		CSTĐ		LĐTT
		Cấp cơ sở	Cấp tỉnh	
1	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	X		x
2	Nguyễn Thành Công	X		x
3	Phạm Thị Phương	X		x
4	Cao Thị Nguyệt			x
5	Trần Xuân Thiêm	X		x
6	Nguyễn Xuân An			x
7	Lò Thị Việt			x
8	Vàng A Khai	X		x
9	Lò Văn Tiên			x
10	Lò Văn Cương			x
11	Hù A Chứ			x
12	Lò Thị Tĩnh			x
13	Lò Văn Tuấn			x
14	Vàng A Chứ			x
15	Trần Thị Thu Huyền	X		x
16	Vàng A Tu			x
17	Vũ Khắc Tiệp			x
18	Nguyễn Văn Quân	X		x
19	Chu Văn An	X		x
20	Lường Ngọc Quỳnh			x
21	Lò Thị Yên			x
22	Hoàng Thị Liên			x
23	Quàng Văn Thương			

* GV dạy giỏi các cấp:

T	Họ tên GV	GVĐG các cấp		
		Cấp trường	Cấp Xã	Cấp tỉnh
1	Nguyễn Thị Hồng			
2	Nguyễn Thành Công			
3	Phạm Thị Phương		X	
4	Cao Thị Nguyệt	X		
5	Trần Xuân Thiêm		X	
6	Nguyễn Xuân An	X		
7	Lò Thị Việt	X		
8	Vàng A Khai		X	
9	Lò Văn Tiền	X		
10	Lò Văn Cương	X		
11	Hù A Chứ	X		
12	Lò Thị Tĩnh	X		
13	Lò Văn Tuấn		X	
14	Vàng A Chứ		X	
15	Trần Thị Thu Huyền			X
16	Vàng A Tu	X		
17	Vũ Khắc Tiệp	X		
18	Nguyễn Văn Quân		X	
19	Chu Văn An		X	
20	Lường Ngọc Quỳnh		X	
21	Lò Thị Yên			
22	Hoàng Thị Liên			

6- Các công tác khác

- Tổ chức lao động 2 tuần một lần cụ thể như chăm sóc bồn hoa ,cây cảnh, vườn trường phục vụ cho việc dạy và học. Vệ sinh xung quanh sân trường tạo cảnh quan sạch sẽ.

- Vận động hội phụ huynh học sinh nộp tiền trang trí lớp học và một số đồ dùng tạo cảnh quang môi trường xanh sạch đẹp.

- Quy định việc trang trí lớp học có các loại như: Bảng hoa điểm tốt; Báo tường ; Sản phẩm của em...

- Quy định mỗi tuần quét trần nhà một lần. Không vẽ bậy lên tường, không vứt rác bừa bãi.

- Bảo quản và sử dụng tốt tài sản, TBDH, cơ sở vật chất của nhà trường.

- Mỗi lớp chăm sóc tốt bồn hoa, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ khu vực lớp mình được phân công.

- Xây dựng nề nếp múa hát đầu giờ và giữa giờ. Tạo lập đội cờ đỏ hoạt động có kết quả tốt.

- Tổ chức các buổi ca múa hát tập thể, dạy cho học sinh các trò chơi dân gian . Thực hiện theo khẩu hiệu học mà vui. Vệ sinh trường lớp sạch sẽ trước giờ vào lớp.

- 100% các em đăng kí danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ. 75/75 sao nhi đồng cuối năm được kết nạp đội .

7- Công tác kiểm tra đánh giá của phó hiệu trưởng

- Khảo sát chất lượng của từng lớp, giao khoán chất lượng cho từng giáo viên.

- Ra đề kiểm tra chất lượng theo từng tháng cho các lớp.

- Kiểm tra đột xuất giờ dạy của giáo viên rút kinh nghiệm cho từng giáo viên.

- Kiểm tra kế hoạch chỉ đạo chuyên môn của từng tổ trưởng vào thứ hai đầu tuần của tháng.

- Xây dựng kế hoạch chuyên đề cho tất cả các khối ngay từ đầu năm học dựa vào thực tế của đội ngũ giáo viên.

IV. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Biện pháp duy trì số lượng học sinh:

*** Nội dung**

- Huy động đảm bảo đủ 100% số lượng học sinh ra lớp.

*** Giải pháp**

- Giáo chỉ tiêu huy động cho từng giáo viên ngay từ đầu năm học.
- Hợp ban vận động học sinh ra lớp đến từng bản để vận động học sinh ra lớp.
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa vui vẻ, phong phú về nội dung nhằm khuyến khích học sinh ra lớp.
- Phối hợp chặt chẽ với các trường, phó bản, Già làng vận động học sinh ra lớp.
- Xây dựng đội ngũ GVCN nêu cao vai trò trách nhiệm đối với học sinh và công tác phổ cập.
- Chú ý bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy học theo hướng tích cực để thu hút học sinh đến lớp.
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật sĩ số học sinh hàng ngày, bảo quản cập nhật các số liệu vào hồ sơ đầy đủ, chính xác.

2. Chất lượng về giáo dục học sinh

2.1) Phẩm chất - năng lực.

*** Nội dung**

- Giáo dục học sinh ngoan ngoãn lễ phép. Thực hiện tốt các nhiệm vụ của học sinh theo đúng quy định.
- Xây dựng đội ngũ cốt cán của trường, của lớp.
- Xây dựng phân phối chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp cụ thể, sát thực tế.

*** Giải pháp**

- Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khoá theo chủ đề, chủ điểm của năm học, gần gũi với học sinh.
- Khuyến khích động viên các em thực hiện tốt công tác tự quản.
- Tổ chức cho học sinh xem băng, hình về những tấm gương tốt, những điển hình trong phong trào nghìn việc tốt.
- Tổ chức bầu hội đồng tự quản lớp học ngay từ đầu năm học.
- Xây dựng phong trào "Đôi bạn cùng tiến" tạo hứng thú cho học sinh vui vẻ tích cực tham gia hoạt động học tập của học sinh.
- Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh để giáo dục các em.

2.2) Quá trình học tập các môn học

* Nội dung

- Học 2 buổi / ngày.
- Kiểm tra chất lượng học sinh đầu năm vào 25 tháng 9 giao chất lượng cho từng lớp.
- Tạo ngân hàng đề kiểm tra theo từng tháng.
- Xây dựng phân phối chương trình các tiết tăng cụ thể cho từng khối.

* Giải pháp

- Xây dựng lịch học 2 buổi / ngày ngay từ đầu năm học.
- Ra đề kiểm tra theo từng tháng sát với đối tượng học sinh của trường.
- Phân loại đối tượng học sinh có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể cho từng lớp, từng đối tượng học sinh.
- Kiểm tra chất lượng các lớp theo từng tháng và có nhận xét cụ thể cho từng đợt kiểm tra.
- Kiểm tra phân phối chương trình các tiết tăng có nhận xét đóng góp ý kiến cụ thể cho từng khối lớp.
- Kiểm tra ngân hàng đề từng khối lớp theo tháng.
- Khuyến khích giáo viên dạy học theo nhóm đối tượng, tích cực và linh hoạt trong việc vận dụng phương pháp.

3. Chất lượng đội ngũ giáo viên:

*** Nội dung**

- Tổ chức tập huấn cho giáo viên ngay từ đầu năm học về phương pháp dạy học tích cực.

- Khảo sát chất lượng giáo viên mới ngay từ đầu năm học.(nếu có)

- Xây dựng các chuyên đề cần giải quyết trong năm.

- Lên kế hoạch tham quan học hỏi kinh nghiệm trường bạn vào tháng 10.(Suối Lư)

- Lập kế hoạch thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo thông tư 21.

- Cập nhật đầy đủ các loại văn bản của Phòng VH xã Sở, Bộ về công tác chuyên môn. Triển khai văn bản kịp thời tới từng giáo viên.

- Lên kế hoạch cụ thể ngay từ đầu năm học.

- Xây dựng kế hoạch thanh kiểm tra cụ thể rõ ràng tới từng đối tượng.

*** Giải pháp**

- Tăng cường dự giờ đột xuất cho toàn bộ giáo viên trong trường.

- Tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề học tập các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với yêu cầu, khó khăn của giáo viên trong trường.

- Tổ chức tham quan trường bạn học tập phương pháp rèn học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kĩ năng.

- Tổ chức thi giáo viên giỏi cấp trường theo kế hoạch.

- Khen thưởng kịp thời các giáo viên có thành tích tốt trong công tác dạy và học.

- Cập nhật thường xuyên Hồ sơ công việc nghiên cứu kĩ các thông tư, văn bản mới triển khai tới 100% giáo viên trong trường.

- Thực hiện thanh kiểm tra theo đúng kế hoạch, sau mỗi đợt kiểm tra có nhận xét rút kinh nghiệm kịp thời tới từng đối tượng.

4. Các công tác khác

*** Nội dung**

- Xây dựng kế hoạch lao động theo từng tuần, từng khu vực cụ thể.

- Hợp ban đại diện cha mẹ học sinh thống nhất phương pháp, cách làm để tu sửa cơ sở vật chất trong năm học.

- Trồng hoa cây cảnh vào đầu tháng 8.
- Phân công phụ trách đội ngay từ đầu năm học.
- Thống nhất hình thức trang trí lớp học cho tất cả các lớp.
- Phân công khu vực cần chăm sóc, bảo vệ cho từng lớp.

*** Giải pháp**

- Tổ chức lao động 1 buổi/ tuần cụ thể như chăm sóc bồn hoa ,cây cảnh, vườn trường phục vụ cho việc dạy và học. Vệ sinh xung quanh sân trường tạo cảnh quan sạch sẽ.

- Vận động hội phụ huynh học sinh nộp tiền trang trí lớp học và một số đồ dùng tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.

- Quy định việc trang trí lớp học có các loại như: Bảng hoa điểm tốt; Báo tường ; Sản phẩm của em...

- Quy định mỗi tuần quét trần nhà một lần. Không vẽ bậy lên tường, không vứt rác bừa bãi.

- Bảo quản và sử dụng tốt tài sản, TBDH, cơ sở vật chất của nhà trường.

- Mỗi lớp chăm sóc tốt bồn hoa, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ khu vực lớp mình được phân công.

- Xây dựng nề nếp múa hát đầu giờ và giữa giờ. Tạo lập đội cờ đỏ hoạt động có kết quả tốt.

- Tổ chức các buổi ca múa hát tập thể, dạy cho học sinh các trò chơi dân gian . Thực hiện theo khẩu hiệu học mà vui. Vệ sinh trường lớp sạch sẽ trước giờ vào lớp.

5- Biện pháp kiểm tra đánh giá của phó hiệu trưởng

5.1. Xây dựng nội dung kiểm tra đánh giá về chuyên môn nghiệp vụ của CBGV;

*** Nội dung**

- Kiểm tra đột xuất giờ dạy của giáo viên rút kinh nghiệm cho từng giáo viên.

- Kiểm tra kế hoạch chỉ đạo chuyên môn của từng tổ trưởng vào thứ hai.

- Kiểm tra các buổi sinh hoạt chuyên môn cấp tổ có tư vấn giúp đỡ tới từng tổ.

- Tổ chức chuyên đề theo hướng đổi mới cho từng tháng.

*** Giải pháp**

- Bám sát kế hoạch của phòng, của trường đề ra.

- Thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch đã đề ra.

- Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Dự giờ, kiểm tra đột xuất từng giáo viên có kế hoạch rõ ràng cụ thể

- Làm việc đúng quy chế.

- Xét thi đua dựa vào kết quả, khối lượng công việc.

- Tăng cường kiểm tra đột xuất tất cả các lớp

5.2. Công tác kiểm tra đánh giá số lượng, chất lượng giáo dục:

*** Nội dung**

- Khảo sát chất lượng của từng lớp, giao khoán chất lượng cho từng giáo viên.

- Ra đề kiểm tra chất lượng theo từng tháng cho 14/14 lớp. Chấm bài nhận xét rút kinh nghiệm cho từng lớp.

- Chỉ đạo sát sao việc kiểm tra chất lượng hàng tháng của từng tổ chuyên môn.

*** Giải pháp**

- Mỗi tháng kiểm tra chất lượng 1 lần có đánh giá nhận xét cho từng lớp.

- Động viên khen thưởng kịp thời đối với những học sinh có thành tích học tập.

- Tổ chức các câu lạc bộ thúc đẩy học sinh tích cực học tập.

Trên đây là kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường PTDTBTTH Chua Ta năm học 2025- 2026. P.Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các thành viên trong trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã đề ra.

Người lập kế hoạch

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thành Công



Nguyễn Thị Hồng Hạnh

PHẦN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH

Tháng 8:

Tháng 9:

.....

Tháng 10:

.....

Tháng 11:

.....

.....

Tháng 12:

.....

.....

Tháng 1:

Tháng 2:

.....

Tháng 3:

.....

Tháng 4:

.....

.....

Tháng 5:

.....

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC

Tháng	Mốc thời gian chính	Nội dung thi đua, tổ chức các kỳ thi HS giỏi; GV dạy giỏi (cấp trường,	Điều chỉnh bổ sung	
-------	---------------------	---	--------------------	--

		huyện, tỉnh); VSCĐ; Hồ sơ giáo án tốt, ĐDDH, SKKN, kiểm tra học kỳ, kiểm tra công nhận hoàn thành chương trình. Công tác bồi dưỡng thường xuyên.		
8	CM ngày cách Mạng tháng 8 thành công	Họp phân công công tác	3/8/2025	
		Tổ chức BDTX cho GV	13,14/8/2025	
		Chiêu sinh học sinh	20/8/2025	
		HS tựu trường	22/ 8/2025	Lớp 1
		Lao động tổng vệ sinh toàn trường	26/8/2025	Toàn trường
		Chuẩn bị CSVC cho giáo viên học sinh.	27/8/2025	
		Hội nghị công nhân viên chức đầu năm	29.8.2025	
9	Chào mừng năm học mới	Khai giảng năm học; Kí cam kết	5/9/2025	
		Thực hiện dạy chính thức tuần 1	8/9/2025	
		Họp chuyên môn trường	14/9/2025	
		Nhập học sinh trái tuyến	10- 15/ 9/2025	
		Tập huấn HD lồng ghép GDQPAN	14/9/2025	
		Kiểm tra đồ dùng học tập 1 số lớp	1/ 9 / 2025	
		Tổ chức rà soát chất lượng các lớp	15/9/2025	
		Giao lưu vở sạch chữ đẹp các lớp	9/2025	
		Xây dựng KH bồi dưỡng thường xuyên	9/2024	
		Kiểm kê tra sổ mượn trả thiết bị.	15 - 26/9/2025	
		Khảo sát giáo viên mới chuyển khối	23-26/9/ 2025	
		Tổ chức trung thu cho học sinh	17/9/2025	
10	CM ngày Phụ nữ Việt Nam	Dự giờ RKN vòng tổ	2/10-14/10/2025	
		Nộp hồ sơ đăng ký thi đua DN	3/10/2025	
		Kiểm tra hồ sơ sổ sách giáo viên	2-4/10/2025	
		Chuyên đề cấp huyện	4/10/2025	

		Kiểm tra HS sổ sách GV	2- 4/10/2025	
		Công đoàn lập KH công trình xây dựng 2023	10/10/2025	
		Thao giảng vòng trường	16- 30/10/2025	
		Ra đề kiểm tra giữa kỳ đối với khối 4,5	11-15/10/2025	
		Chuyên đề cụm	27/10/2025	
		Kiểm tra giữa kỳ	20/10/2025	
		Chuyên đề âm nhạc cấp cụm	3/11/2025	
11	Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam	Bồi dưỡng chuyên đề BDTX GV		
		Chăm trang trí lớp học; Vở sạch, chữ đẹp	12 /11/2025	
		Chuyên đề cấp trường	15/11/2025	
		Sơ kết thi đua đợt I	16/11/2025	
		Kiểm tra chất lượng các khối	18/11/2025	
		Xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề cụm	29/11/2025	
		Tổ chức giao lưu Tiếng Việt	27/11/2025	
12	CM TLQĐND Việt Nam 22/12	Tổ chức ôn tập cho học sinh.	12/2025	
		Rà soát chất lượng các lớp	15-16/12/2025	
		Chăm vở sạch chữ đẹp	17-18/12/2025	
		Ra đề kiểm tra cuối kỳ I	16-17/12/2025	
		Kiểm tra cuối học kỳ I	20-21/12/2025	
		Kiểm tra HSSS toàn trường	27/12/2025	
		Kết thúc chương trình học kỳ I	30/12/2025	
		Chuyên đề trường	/12/2025	
1	Chào mừng các ngày lễ lớn.	Họp phụ huynh lần II	10/1/2026	
		Nghỉ kết thúc học kỳ I	14/01/2026	
		Tái giảng kỳ II+ TH CT tuần 19	15/ 01 / 2026	
		Tổ chức thi tìm hiểu về ATGT	1/2026	
		Kiểm tra chất lượng 16/16 lớp	1/2026	
		Chuyên đề cấp huyện	19/1/2026	

		Nghi tết nguyên đán	27/1-2/2/2026	
2	Chào mừng ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	Tuyên truyền ý nghĩa ngày 3/2	02/2026	
		Tổ chức HĐTN tìm hiểu tết dân tộc	02/2026	
		Tổ chức chuyên đề cấp trường	2/2026	
		Kiểm tra việc duy trì sĩ số sau tết	18/2/2/2026	
		Kiểm tra chất lượng hồ sơ sổ sách	2/2026	
		Bồi dưỡng thường xuyên	22/2/2026	
3	CM ngày Quốc tế Phụ nữ	Tọa đàm 8-3	8/3/2026	
		Kiểm tra hồ sơ sổ sách GV	5-6/3/2026	
		Thao giảng vòng trường	9-18/3/2026	
		Bồi dưỡng chuyên đề	25/3/2026	
		Sơ kết thi đua đợt 3	28/3/2026	
		Tọa đàm, giao lưu VN-TT chào mừng 26/3	26/3/2026	
		Kiểm tra chất lượng học sinh.	24/3-25/3/2026	
4	CM ngày giải phóng Miền nam	Bồi dưỡng chuyên đề	10/4/2026	
		Kiểm tra học bạ toàn trường	15/4- 17/4/2026	
		Rà soát hồ sơ Phổ cập	22/4 24/4/2026	
		Tổ chức giao lưu vẽ tranh chủ đề 30.4	23/4/2026	
		Kiểm tra chất lượng học sinh.	27/4/2026	
5	CM ngày giải phóng Điện Biên, Sinh nhật Bác 19/5	Ra đề kiểm tra cuối năm	10/5- 11/5/2026	
		Kiểm tra cuối kì II	14-15/5/2026	
		Tuyên truyền ngày Bác Hồ gửi thư lần cuối cùng cho ngành GD (15 - 10), Sinh nhật Bác.	15/ 5/2026	
		Kết nạp Đội TNTP	18/ 5/2026	
		Rà soát HS học bạ khối 5	20-21/ 5/2026	
		Xét HTCT	/5/2026	
		Bình xét, tổng kết thi đua cuối năm	25-26/5/2026	
		Kết thúc chương trình học kỳ II	25/5/2026	
		Kiểm tra bàn giao tài sản	29/5-31/5/2026	

		Kết thúc năm học	28/5/2026	
		Họp cuối năm	31/5/2026	

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ NĂM 2025-2026

STT	Họ và tên	Trình độ CM	XLCM 24-25	Nhiệm vụ giao	Số học sinh
				Chủ nhiệm lớp,	
1	Nguyễn T Hồng Hạnh	ĐH	T		
2	Nguyễn Thành Công	ĐH	T		
3	Phạm Thị Phương	ĐH	T	1A2	
4	Cao Thị Nguyệt	Đ ĐH	T	1A1	
5	Trần Xuân Thiêm	ĐH	K	2A2	
6	Nguyễn Xuân An	ĐH	K	2A3	
7	Lò Thị Việt	ĐH	K	2A1	
8	Vàng A Khai	ĐH	K	3A1	
9	Lò Văn Tiền	ĐH	K	3A2	
10	Lò Văn Cương	ĐH	K	3A3	
11	Hù A Chứ	ĐH	K	4A1	
12	Lò Thị Tĩnh	ĐH	K	4A2	
13	Lò Văn Tuấn	ĐH	T	4A3	
14	Vàng A Chứ	ĐH	T	5A1	
15	Trần Thị Thu Huyền	ĐH	T	5A2	
16	Vàng A Tu	ĐH	T	5A3	
17	Vũ Khắc Tiệp	ĐH	K	Dạy môn chuyên	
18	Nguyễn Văn Quân	ĐH	K	GDTC	

19	Chu Văn An	ĐH	T	CM Tin học	
20	Lường Ngọc Quỳnh	ĐH	K	Âm Nhạc	
21	Lò Thị Yên	ĐH	K	TA.	
22	Hoàng Thị Liên	ĐH	K	Mĩ Thuật	
23		ĐH	K	Kế toán	